

Số: 59/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1989; Số CCCD: 046089007146; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện A, thành phố H (nay là thôn P, xã A, thành phố H).

- Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1989; Số CCCD: 046189009308; địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện A, thành phố H (nay là thôn P, xã A, thành phố H).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn T và bà Hồ Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Hồ Thị L có 02 người con chung là: Lê Thanh T1, sinh ngày 30/7/2009 và Lê Thái B, sinh ngày 03/7/2015.

Giao cháu Lê Thanh T1 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Lê

Thái B cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận ông Lê Văn T chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0002320 ngày 02/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Huế). Hoàn trả lại cho ông T số tiền chênh lệch 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3;
- THADS thành phố Huế;
- UBND xã A Lưới 2;
- (ĐKKH ngày 03/7/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh